

Số: 154 /QĐ-THLQĐ

Nhà Bè, ngày 22 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố, công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2024 của Trường Tiểu học Lê Quang Định

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 162/QĐ-UB-TC ngày 15 tháng 07 năm 2004 của Ủy Ban Nhân Dân huyện Nhà Bè về việc đổi tên trường Tiểu học Phước Kiển 4 thành Trường Tiểu học Lê Quang Định;

Căn cứ quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về việc điều chỉnh quyết định giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập, giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định 2738/QĐ-UBND của UBND huyện Nhà Bè ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách năm 2024 cho các đơn vị trực thuộc huyện;

Căn cứ Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường;

Thực hiện nhiệm vụ nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung dự toán thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2023-2024 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính

phủ và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ của Trường Tiểu học Lê Quang Định (theo thông báo biểu số 2 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị và bộ phận tài vụ Trường Tiểu học Lê Quang Định chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH H.Nhà Bè;
- Lưu: KT, VT.

HIỆU TRƯỞNG



Võ Thị Lài

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Tiểu học Lê Quang Định
Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 157/QĐ-THLQĐ ngày 22/7/2024 của Trường Tiểu học Lê Quang Định)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	23,40
I	Nguồn ngân sách trong nước	23,40
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	23,40
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên (Nguồn 13)	23,40
6150	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	23,40
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	23,40
2	Kinh phí thực hiện nguồn cải cách tiền lương (Nguồn 14)	
3	10% tạo nguồn cải cách tiền lương (để lại ngân sách Huyện)	
4	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	

Ngày 22 tháng 07 năm 2024

Hiệu Trưởng



Võ Thị Lại

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024
CHƯƠNG 622 - LOẠI 070 - KHOẢN 072

Mục		Tiểu mục	DIỄN GIẢI	Dự toán năm 2024	CHIA RA CÁC QUÝ				Đơn vị tính: Đồng
					QUÝ 1	QUÝ 2	QUÝ 3	QUÝ 4	
I. TÌNH HÌNH TRƯỜNG LỚP - NHÂN SỰ					Dự toán	Dự toán	Dự toán	Dự toán	Ghi chú
			A. TÌNH HÌNH BIÊN CHẾ						
			Tổng số biên chế giao:	61					
			Phần A (Biên chế) :	54					
			Phần C (Hợp đồng ND 111) :	7					
			Thực tế:	65					
			Phần A (Biên chế) :	44					
			Phần B (Tập sự) :	3					
			Phần C (Hợp đồng ND 111) :	6					
			Phần D:						
			- Hợp đồng CM, NV: 01 GV CTGD; 02 GV Mỹ thuật, 01 Tin học, 01GVNM	12					
			-Hợp đồng hỗ trợ, phục vụ: 01 Bảo vệ, 01 phục vụ, 05 cấp dưỡng						
			B. KHUNG TRƯỜNG						
			Số trường:	1					
			Số lớp:	28					
			- Số GV :	39					
			- Số CNV :	11					
			- Số học sinh :	1.051					
II. PHÂN THU				23.400.000	0	0	23.400.000	0	
			Dự toán bổ sung chi thường xuyên - Nguồn 13	23.400.000	0	0	23.400.000	0	

Mục	Tiêu mục	DIỄN GIẢI	Dự toán năm 2024	CHIA RA CÁC QUÝ				Ghi chú
				QUÝ 1	QUÝ 2	QUÝ 3	QUÝ 4	
				Dự toán	Dự toán	Dự toán	Dự toán	
III. PHẦN CHI NGÂN SÁCH CẤP			23.400.000	0	0	23.400.000	0	
		1. CHI THƯỜNG XUYỀN (NGUỒN 13)	23.400.000	0	0	23.400.000	0	
NHÓM 0129: CHI THANH TOÁN CHO CÁ NHÂN			23.400.000			23.400.000		
6150		HỌC BỔNG SINH VIÊN, HỌC SINH	23.400.000			23.400.000	0	
	6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	23.400.000			23.400.000		

Nhà Bè, ngày 22 tháng 7 năm 2024

Người lập bảng

(Signature)

Nguyễn Thị Ngọc Diệp

HIỆU TRƯỞNG



Võ Thị Lại

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4324/QĐ-UBND

Nhà Bè, ngày 12 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 6452/UBND-VX ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố;

Căn cứ Công văn số 14/SGDDĐT-KHTC ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai thực hiện Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố và hướng dẫn thu, sử dụng học phí năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 2738/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho các đơn vị trực thuộc Huyện;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè tại Công văn số 1086/GDDĐT ngày 04 tháng 7 năm 2024 về cấp kinh phí hỗ trợ học phí và chi phí học tập, học phí học kỳ 1 năm học 2023-2024 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện Nhà Bè tại Công văn số 1211/LĐTBXH ngày 04 tháng 7 năm 2024 về bổ sung kinh phí hỗ trợ học sinh, sinh viên theo NĐ 81/2021/NĐ-CP và NĐ 97/2023/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Nhà Bè tại Tờ trình số 99/TTr-TCKH ngày 04 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè (kinh phí miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; mã ngành kinh tế 098) với số tiền **1.060.000.000 đồng** (Một tỷ, không trăm sáu mươi triệu đồng).

Điều 2. Bổ sung dự toán chi thường xuyên giao tự chủ năm 2024 cho các Trường học công lập trên địa bàn huyện Nhà Bè với số tiền **641.280.000 đồng** (Sáu trăm bốn mươi một triệu, hai trăm tám mươi ngàn đồng) để thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập Học kỳ 1 năm học 2023- 2024 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 3. Bổ sung dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ năm 2024 cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Nhà Bè với số tiền **418.720.000 đồng** (Bốn trăm mười tám triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng) để thực hiện chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

Điều 4. Giao Hiệu trưởng các Trường học công lập trên địa bàn Huyện và Trưởng phòng Lao động – Thương binh và xã hội Huyện chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, thanh, quyết toán kinh phí ngân sách được giao và trích tạo nguồn

để thực hiện cải cách tiền lương trong năm 2024 từ nguồn hỗ trợ học phí theo đúng quy định.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch Huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Nhà Bè, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện, Trưởng phòng Lao động Thương binh và xã hội Huyện, Hiệu trưởng các Trường học công lập trên địa bàn Huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

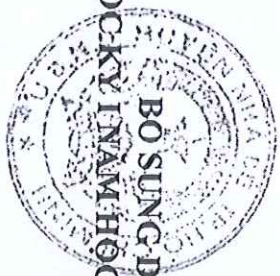
Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Thường trực HĐND Huyện;
- UBND Huyện: CT, các PCT;
- Lưu: VT, L (40b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Triệu Đỗ Hồng Phước



PHỤ LỤC
BỘ SƯNG-ĐỰ TOÀN THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ-CP NGÀY 27 THÁNG 8 NĂM 2021 CỦA CHÍNH PHỦ VÀ
NGHỊ ĐỊNH SỐ 97/2023/NĐ-CP NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 CỦA CHÍNH PHỦ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)

ĐVT: đồng

STT	Đơn vị	Tổng số tiền	Học phí	Hỗ trợ chi phí học tập	Ghi chú
TỔNG CỘNG		641.280.000	17.280.000	624.000.000	
I	MÀM NON	26.280.000	17.280.000	9.000.000	
1	Trường MN Hòa Mi	2.200.000	1.000.000	1.200.000	Thường xuyên
2	Trường MN Thị trấn Nhà Bè	1.000.000	400.000	600.000	Thường xuyên
3	Trường MN Sơn Ca	400.000	400.000		Thường xuyên
4	Trường MN Hương Dương	1.400.000	800.000	600.000	Thường xuyên
5	Trường MN Sao Mai	2.800.000	2.800.000		Thường xuyên
6	Trường MN Đồng Xanh	2.400.000	1.800.000	600.000	Thường xuyên
7	Trường MN Tuổi Hoa	4.000.000	2.800.000	1.200.000	Thường xuyên
8	Trường MN Vàng Anh	4.600.000	2.200.000	2.400.000	Thường xuyên
9	Trường MN Hoa Sen	800.000	800.000		Thường xuyên
10	Trường MN Vành Khuyên	3.400.000	2.200.000	1.200.000	Thường xuyên
11	Trường MN Mạ Non	400.000	400.000		Thường xuyên
12	Trường MN Hoa Lan	2.880.000	1.680.000	1.200.000	Thường xuyên
II	TIỂU HỌC	382.200.000		382.200.000	
1	Trường TH Lê Quang Định	23.400.000		23.400.000	Thường xuyên

Value

STT	Đơn vị	Tổng số tiền	Học phí	Hỗ trợ chi phí học tập	Ghi chú
2	Trường TH Lê Văn Lương	34.800.000		34.800.000	Thường xuyên
3	Trường TH Trần Thị Ngọc Hân	32.400.000		32.400.000	Thường xuyên
4	Trường TH Nguyễn Văn Tạo	34.800.000		34.800.000	Thường xuyên
5	Trường TH Trang Tấn Khương	33.000.000		33.000.000	Thường xuyên
6	Trường TH Nguyễn Bình	15.000.000		15.000.000	Thường xuyên
7	Trường TH Lâm Văn Bền	18.600.000		18.600.000	Thường xuyên
8	Trường TH Bùi Thanh Khiết	15.000.000		15.000.000	Thường xuyên
9	Trường TH Dương Văn Lịch	16.200.000		16.200.000	Thường xuyên
10	Trường TH Lê Lợi	24.000.000		24.000.000	Thường xuyên
11	Trường TH Nguyễn Trực	40.200.000		40.200.000	Thường xuyên
12	Trường TH Tạ Uyên	27.600.000		27.600.000	Thường xuyên
13	Trường TH Bùi Văn Ba	30.600.000		30.600.000	Thường xuyên
14	Trường TH Nguyễn Việt Hồng	27.600.000		27.600.000	Thường xuyên
15	Trường TH Nguyễn Hồng Thê	9.000.000		9.000.000	Thường xuyên
III	TRUNG HỌC CƠ SỞ	232.800.000		232.800.000	
1	Trường THCS Hai Bà Trưng	35.400.000		35.400.000	Thường xuyên
2	Trường THCS Phước Lộc	10.800.000		10.800.000	Thường xuyên
3	Trường THCS Hiệp Phước	28.200.000		28.200.000	Thường xuyên
4	Trường THCS Lê Văn Hưu	33.600.000		33.600.000	Thường xuyên
5	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	31.200.000		31.200.000	Thường xuyên
6	Trường THCS Nguyễn Văn Quỳ	28.800.000		28.800.000	Thường xuyên
7	Trường THCS Lê Thành Công	24.000.000		24.000.000	Thường xuyên
8	Trường THCS Nguyễn Thị Hương	40.800.000		40.800.000	Thường xuyên

Handwritten signature

